

Bản án số: 78/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29/7/2025

V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Ngọc Giàu**

* Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Chi**

2. Ông **Huỳnh Hoàng Nam**

* Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Phụng** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5
- An Giang.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang: Bà **Nguyễn Thị Diễm Thúy** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 252/2025/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 256/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Thị H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp H, xã N1, huyện G, tỉnh K

Nay là: ấp H, xã H1, tỉnh A.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Hồng A, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: ấp H, xã N1, huyện G, tỉnh K

Nay là: ấp H, xã H1, tỉnh A..

(Bà H có đơn xin vắng mặt; ông Hồng A vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Thị H trình bày:***

Do quen biết bà và ông Hồng A tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã Hòa Thuận, tỉnh An Giang). Sau khi cưới chung sống hạnh phúc nhưng dần về sau thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến cãi vã liên tục. Nguyên nhân không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã cho nhau cơ hội nhưng vẫn không thể hàn gắn. Bà và ông Hồng A đã ly thân từ năm 2020 đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục duy trì được nữa, yêu cầu cho bà được ly hôn với ông Lê Hồng A

+ Về con chung: Có 03 người con chung tên Lê Hồng P, sinh ngày 07/6/2014; Lê Hồng H, sinh ngày 10/7/2004; Lê Cẩm N, sinh năm 1993. Khi ly hôn bà xác định giao cháu Phúc cho ông Hồng A nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con; cháu Nhung và Huy đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Lê Hồng A không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Thị H, mặc dù Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bà H: Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Hồng A: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng, bị đơn vắng mặt không đảm bảo theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử cho bà H được ly hôn với ông Hồng A; về con chung: có 03 người con chung tên Lê Hồng P, sinh ngày 07/6/2014; Lê Hồng H, sinh ngày 10/7/2004; Lê Cẩm N, sinh năm 1993. Khi ly hôn bà H xác định giao Lê Hồng P cho ông Hồng A nuôi dưỡng, bà H không cấp dưỡng nuôi con; Lê Cẩm N và Lê Hồng H đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Theo biên bản ghi lời khai ngày 14 tháng 5 năm 2025 của anh Lê Hoàng D là con rể của ông Hồng A thì từ khi mẹ vợ anh là bà Thị H và cha vợ anh là ông Lê Hồng A ly thân cho đến nay thì cháu Lê Hồng P sống chung với vợ chồng anh D và ông Hồng A; hiện tại ông Hồng A đi làm ở Phú Quốc nghỉ lễ, tết về thăm gia đình. Phía ông Hồng A không có ý kiến gì về việc bà Thị H giao Lê Hồng P cho ông nuôi dưỡng; đồng thời theo nguyện vọng của Lê Hồng P có nguyện vọng được sống với ông Hồng A nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao con chung là Lê Hồng P, sinh ngày 07/6/2014 cho ông Hồng A nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết do ông Hồng A không có yêu cầu; riêng Lê Cẩm N và Lê Hồng H đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: bà Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, phía ông Hồng A không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Lê Hồng A có hộ khẩu thường trú ở ấp H, xã N, huyện G, tỉnh K (nay là ấp H, xã H1, tỉnh A.). Vì vậy tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Lê Hồng A vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H và ông Hồng A trong vụ án này.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- Xét thấy quan hệ hôn nhân của bà H và ông Hồng A là hợp pháp, được Ủy ban nhân dân xã N, huyện G, tỉnh A cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 84/2014 ngày 07 tháng 7 năm 2014. Hôn nhân của bà H và ông Hồng A được xây dựng trên cơ sở quen biết, tìm hiểu nhau trước khi đi đến hôn nhân. Ông bà chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo bà H nguyên nhân là không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã cho nhau cơ hội nhưng vẫn không thể hàn gắn. Bà và ông Hồng A đã ly thân từ năm 2020 đến nay.

Ông Hồng A không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cũng như nguyên nhân mâu thuẫn mà phía bà H đưa ra. Mặc dù, lời trình bày của bà H là đơn phương nhưng ông Hồng A không có ý kiến phản bác đối với lời trình bày này. Hơn nữa, ông Hồng A không tham dự các phiên hòa giải của Tòa án để thể hiện ý kiến của mình là muốn đoàn tụ, hàn gắn mâu thuẫn hôn nhân chứng tỏ ông Hồng A không mong muốn tiếp tục duy trì hôn nhân với bà H. Đồng thời ông, bà đã có thời gian ly thân từ năm 2020 đến nay vẫn không thể hàn gắn, đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân giữa bà H và ông Hồng A không thể tiếp tục kéo dài, tình trạng hôn nhân của ông, bà đã không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà H là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà H xác định giữa bà và ông Hồng A có 03 người con chung tên Lê Hồng P, sinh ngày 07/6/2014; Lê Hồng H, sinh năm 2004; Lê Cẩm N, sinh năm 1993. Khi ly hôn bà H xác định giao Lê Hồng P cho ông Hồng A nuôi dưỡng, bà H không cấp dưỡng nuôi con; Lê Cẩm N và Lê Hồng H đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy, theo biên bản ghi lời khai ngày 14 tháng 5 năm 2025 của anh Lê Hoàng D là con rể của ông Hồng A thì từ khi mẹ vợ anh là bà Thị H và cha vợ anh là ông Lê Hồng A ly thân cho đến nay thì cháu Lê Hồng P sống chung với vợ chồng anh D và ông Hồng A; hiện tại ông Hồng A đi làm ở Phú Quốc nghỉ lễ, tết về thăm gia đình. Phía ông Hồng A không có ý kiến gì về việc bà Thị H giao Lê Hồng P cho ông Hồng A nuôi dưỡng. Đồng thời theo nguyện vọng của Lê Hồng P có nguyện vọng được

sống với ông Hồng A. Do đó để đảm bảo sự phát triển và quyền lợi của con chung nên cần tiếp tục giao con chung là Lê Hồng P, sinh ngày 07/6/2014 cho ông Hồng A nuôi dưỡng là phù hợp. Riêng Lê Cẩm N và Lê Hồng H đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Hồng A không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Hồng A không có ý kiến tài sản chung cũng như nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[7] Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 24; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Thị H được ly hôn với ông Lê Hồng A.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung là Lê Hồng P, sinh ngày 07/6/2014 cho ông Hồng A nuôi dưỡng. Riêng Lê Cẩm N và Lê Hồng H đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

- Tiền cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết do không có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí: Bà Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013111 ngày 09/4/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5). Xem như bà H đã thi hành xong phần án phí.

5. Bà Thị H, ông Lê Hồng A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 5;
- Phòng THADS khu vực 5;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- UBND xã H1;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Ngọc Giàu

